TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 72/2023/QĐST-DS	*Tiểu Cần, ngày 07 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 477/2023/TLST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2023, về việc "*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và quản lý di sản của người bị mất tích*";

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Kim A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn:*** Chị Kim B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Chị Kim C, sinh năm 1970.

2/ Ông Kim N, sinh năm 1937.

Người đại diện hợp pháp của ông N: chị Kim A, sinh năm 1976 theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2023.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3/ Chị Kim D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp N, xã S, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

4/ Chị Kim E, sinh năm 1967 (mất tích theo quyết định số 07/2022/QĐST-DS ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T)

5/ Chị Kim G, sinh năm 1969 (mất tích theo quyết định số 07/2022/QĐST-DS ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T)

Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Kim N do chị Kim A đại diện, chị Kim C, Kim D và Kim B thống nhất thỏa thuận như sau:

Di sản thừa kế do bà Thạch M chết để lại là ½ trong tổng diện tích đất 1.678,0m^2 thuộc các thửa 951 diện tích 884,0m^2, 952 diện tích 264,0m^2, thửa 955 diện tích 530,0m^2 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 253075, AG 253073 và AG 253074 cho bà Thạch M cùng ngày 25/8/2006 (theo biên bản thực đo ngày 14/3/2023 tổng diện tích các thửa là 1.639,3m^2 (giá đất là 2.500.000 đồng/m^2) trong đó thửa 951 diện tích 786,1m^2, 952 diện tích 272,5m^2, thửa 955 diện tích 580,7m^2). Bà Thạch M và ông Kim N có 06 người con chung gồm: Kim E (mất tích), Kim G (mất tích), Kim C, Kim D, Kim A và Kim B. Chị C, chị D và chị B đều thống nhất cho phần thừa kế của mình lại cho ông N và chị A và thống nhất cho chị G và chị E mỗi người hưởng 1/7 trong khối di sản do bà M để lại nhưng làm tròn là 141,5m^2. Cụ thể phần mỗi người được hưởng như sau:

Chị Kim A được hưởng thừa kế tổng diện tích đất 823,2m^2 thuộc chiết thửa đất số 951, 952 và 955, cùng tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 253075, AG 253073 và AG 253074 cho bà Thạch M cùng ngày 25/8/2006 (cụ thể theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 546/CNHTC-KTĐC ngày 06/4/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T phần đất chị Kim A được hưởng thừa kế bao gồm phần A và phần E thuộc chiết thửa 951; phần D thuộc chiết thửa 952 và phần F thuộc chiết thửa 955) đất có tứ cận như sau:

* Phần A có diện tích 197,6m^2, thuộc chiết thửa 951, tờ bản đồ số 10 (tư liệu năm 1992) trong đó có 50m^2 đất ở và 147,6m^2 đất trồng cây lâu năm có độ dài các cạnh như sau:

+ Cạnh hướng Bắc giáp Quốc lộ 60 (nhựa) có độ dài 8,03m

+ Cạnh hướng Nam giáp thửa đất số 952 có số đo 8,03m

+ Cạnh hướng Đông giáp phần B của thửa đất số 951 có số đo 24,69m

+ Cạnh hướng Tây giáp thửa đất số 176, tờ bản đồ 13 có số đo 24,70m

* Phần D có diện tích 182,4m^2, thuộc thửa 952, tờ bản đồ số 10 (tư liệu năm 1992) đất trồng lúa có độ dài các cạnh như sau:

+ Cạnh hướng Bắc giáp thửa 951 có độ dài 8,03m

+ Cạnh hướng Nam giáp thửa đất số 951 có số đo 8,03m

+ Cạnh hướng Đông giáp phần C thuộc thửa đất số 952 có số đo 22,80m

+ Cạnh hướng Tây giáp thửa đất số 177, tờ bản đồ 13có số đo 22,79m

* Phần E có diện tích 145,5m^2, thuộc chiết thửa 951, tờ bản đồ số 10 (tư liệu năm 1992) đất trồng cây lâu năm có độ dài các cạnh như sau:

+ Cạnh hướng Bắc giáp thửa 952 có độ dài 8,03m

+ Cạnh hướng Nam giáp thửa đất số 955 có số đo 8,01m

+ Cạnh hướng Đông giáp phần B thuộc thửa đất số 951 có số đo 18,41m

+ Cạnh hướng Tây giáp thửa đất số 178, tờ bản đồ 13 có số đo 17,95m

* Phần F có diện tích 297,7m^2, thuộc thửa 955, tờ bản đồ số 10 (tư liệu năm 1992) đất trồng cây hàng năm khác có độ dài các cạnh như sau:

+ Cạnh hướng Bắc giáp phần E thửa 951 có độ dài 8,01m

+ Cạnh hướng Nam giáp kênh có số đo 8,00m

+ Cạnh hướng Đông giáp phần G thuộc thửa đất số 955 có số đo 37,19m

+ Cạnh hướng Tây giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ 13 có số đo 37,21m

Ông Kim N được hưởng thừa kế tổng diện tích đất 533,1 m^2 chiết thửa đất số 951 và 952, cùng tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 253075 và AG 253073 cho bà Thạch M cùng ngày 25/8/2006 (cụ thể theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 546/CNHTC-KTĐC ngày 06/4/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T phần đất ông Kim N được hưởng thừa kế bao gồm phần B thuộc chiết thửa 951 và phần C thuộc chiết thửa 952) đất có tứ cận như sau:

* Phần B có diện tích 443,0m^2, thuộc chiết thửa 951, tờ bản đồ số 10 (tư liệu năm 1992) trong đó có 50m^2 đất ở và 393,0m^2 đất trồng cây lâu năm có độ dài các cạnh như sau:

+ Cạnh hướng Bắc giáp Quốc lộ 60 (nhựa) có độ dài 2,89m và 5,21m

+ Cạnh hướng Nam giáp phần G thửa đất số 955 có số đo 7,93m

+ Cạnh hướng Đông giáp thửa đất số 134 có số đo 17,31m; 37,78m; 11,00m

+ Cạnh hướng Tây giáp phần A, C và E của thửa đất số 951 và 952 có số đo 24,69m; 3,97m; 22,80m; 3,97m và 18,41m.

* Phần C có diện tích 90,1m^2, thuộc thửa 952, tờ bản đồ số 10 (tư liệu năm 1992) đất trồng lúa có độ dài các cạnh như sau:

+ Cạnh hướng Bắc giáp phần B thửa 951 có độ dài 3,97m

+ Cạnh hướng Nam giáp phần B thửa đất số 951 có số đo 3,97m

+ Cạnh hướng Đông giáp phần B thuộc thửa đất số 951 có số đo 22,80m

+ Cạnh hướng Tây giáp phần D thửa đất số 952 có số đo 22,80m

Giao cho chị Kim A trực tiếp quản lý diện tích 283,0m^2 (là di sản của chị Kim G, Kim E được hưởng theo quy định của pháp luật) thuộc chiết thửa đất số 955, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 253074 cho bà Thạch M ngày 25/8/2006 (cụ thể theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 546/CNHTC-KTĐC ngày 06/4/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T phần đất giao cho chị Kim A quản lý là phần G thuộc chiết thửa 955).

* Phần G có diện tích 283,0m^2, thuộc chiết thửa 955, tờ bản đồ số 10 (tư liệu năm 1992) đất trồng cây hàng năm khác có độ dài các cạnh như sau:

+ Cạnh hướng Bắc giáp phần B thửa 951 có độ dài 7,93m

+ Cạnh hướng Nam giáp kênh có số đo 7,30m

+ Cạnh hướng Đông giáp thửa đất số 135 có số đo 37,20m

+ Cạnh hướng Tây giáp phần F thửa đất số 955 có số đo 37,19m.

Các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất và nhà ở trên đất, tài sản trên đất phần của ai người ấy hưởng.

Đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Kim N phải chịu 25.991.250 đồng án phí nhưng ông Kim N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí được Tòa án chấp nhận nên ông N không phải chịu 25.991.250 đồng án phí nói trên.

- Chị Kim A phải chịu số tiền là 36.580.000 đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014869 ngày 02/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Kim A phải nộp tiếp số tiền là 36.280.000 đồng.

- Chị Kim E và Kim G mỗi người phải chịu 8.075.000 đồng tiền án phí. Nhưng chị Kim A tự nguyện chịu thay chị E và chị G số tiền án phí này. Nên số tiền chị A phải nộp thay chị E và chị G là 16.150.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: là 6.296.827 đồng chị Kim A tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng 6.296.827 đồng nhưng trừ vào 7.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp nên chị Kim A được nhận lại số tiền 703.173 đồng tại Tòa án nhân dân huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Ngọc Quyền